

BẢNG KÊ THỰC PHẨM
Ngày 14 tháng 04 năm 2025

- Người mua hàng:
- Chức vụ:

S T T	TÊN THỰC PHẨM	Đơ n vị tín h	Số lượng (kg)					Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Khẩu phần mẫu		Khẩu phần thường			MG	NT	
				MG	NT	MG	NT				
1	Sữa bột toàn phần	Kg	6.70	0.00	0.00	5.85	0.85	275,400	1,611,090	234,090	
2	Gạo tẻ máy	Kg	36.00	0.00	0.00	33.00	3.00	24,000	792,000	72,000	
3	Thịt bò loại 1	Kg	3.00	0.00	0.00	2.90	0.10	305,000	884,500	30,500	
4	Thịt lợn nạc	Kg	6.50	0.00	0.00	6.05	0.45	165,000	998,250	74,250	
5	Thịt lợn mỡ	Kg	6.00	0.00	0.00	4.80	1.20	143,000	686,400	171,600	
6	Khoai tây	Kg	6.00	0.00	0.00	5.00	1.00	23,000	115,000	23,000	
7	Cà chua	Kg	3.50	0.00	0.00	3.00	0.50	17,000	51,000	8,500	
8	Bí ngô	Kg	5.00	0.00	0.00	4.80	0.20	25,000	120,000	5,000	
9	Cà rốt	Kg	3.00	0.00	0.00	2.80	0.20	22,000	61,600	4,400	
10	Nước mắm loại 1	Kg	0.20	0.00	0.00	0.19	0.01	43,000	8,170	430	
11	Súp	Kg	1.00	0.00	0.00	0.90	0.10	30,000	27,000	3,000	
12	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cá, ...)	Kg	2.50	0.00	0.00	2.14	0.36	80,000	171,200	28,800	
13	Bột nêm	Kg	0.80	0.00	0.00	0.74	0.06	85,000	62,900	5,100	
14	Hành củ tươi	Kg	0.20	0.00	0.00	0.19	0.01	50,000	9,500	500	
15	Tỏi ta	Kg	0.20	0.00	0.00	0.19	0.01	50,000	9,500	500	
16	Gừng tươi	Kg	0.10	0.00	0.00	0.09	0.01	50,000	4,500	500	
17	Hành lá (hành hoa)	Kg	0.30	0.00	0.00	0.28	0.02	70,000	19,600	1,400	
18	Rau ngót	Kg	9.00	0.00	0.00	7.50	1.50	35,000	262,500	52,500	
19	Sườn lợn (heo) bỏ xương	Kg	2.00	0.00	0.00	1.80	0.20	185,000	333,000	37,000	
20	Già đậu xanh	Kg	10.00	0.00	0.00	8.30	1.70	25,000	207,500	42,500	
21	Mướp	Kg	8.00	0.00	0.00	7.00	1.00	25,000	175,000	25,000	
22	Thịt lợn nạc	Kg	1.50	0.00	0.00	1.40	0.10	165,000	231,000	16,500	
23	Gạo tẻ máy	Kg	6.70	0.00	0.00	6.70		24,000	160,800	0	
24	Thịt gà ta	Kg	5.50	0.00	0.00	4.50	1.00	160,000	720,000	160,000	
25	Thịt lợn nạc	Kg	4.00	0.00	0.00	3.90	0.10	165,000	643,500	16,500	
26	Đậu xanh (hạt)	Kg	1.00	0.00	0.00	1.00		60,000	60,000	0	
27	Miến dong	Kg	2.00	0.00	0.00		2.00	90,000	0	180,000	
28	Nấm hương khô	Kg	0.10	0.00	0.00		0.10	320,000	0	32,000	
0	0		0.00	0.00	0.00				0	0	
0	0		0.00	0.00	0.00				0	0	
	Cộng								8,425,510	1,225,570	
	Tổng cộng					0.00			9,651,080		

Người phụ trách

Kế toán

Người nhận

Người mua


Vũ Thị Huyền

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG MẦM NON TRƯỜNG THỌ

BẢNG TÍNH ĐỊNH LƯỢNG KHẨU PHẦN ĂN

Ngày 14 tháng 04 năm 2025

Tổng số suất ăn: 387 - 3 tuổi: 78 - Cháo: 0
Trong đó: + Mẫu giáo: 338 - 4 tuổi: 124 + Nhà trẻ: 49 - Cơm nát: 0
- 5 tuổi: 136 - Cơm thường: 49

S T T	TÊN THỰC PHẨM	Số lượng (kg)		Quy đổi (kg)		Chất dinh dưỡng (g)										Calo	
						P				L				G			
		ĐV		TV		ĐV		TV		MG	NT	MG	NT			MG	NT
														MG	NT		
1	Sữa bột toàn phần	5.85	0.85	5.85	0.85	1,579.5	229.5	0.0	0.0	1,521.0	221.0	0.0	0.0	2,223.0	323.0	28,899.0	4,199.0
2	Gạo tẻ máy	33.00	3.00	33.00	3.00	0.0	0.0	2,607.0	237.0	0.0	0.0	330.0	30.0	25,047.0	2,277.0	113,520.0	10,320.0
3	Thịt bò loại 1	2.90	0.10	2.84	0.10	596.8	20.6	0.0	0.0	108.0	3.7	0.0	0.0	0.0	0.0	3,353.6	115.6
4	Thịt lợn nạc	6.05	0.45	5.93	0.44	1,126.5	83.8	0.0	0.0	415.0	30.9	0.0	0.0	0.0	0.0	8,241.3	613.0
5	Thịt lợn mỡ	4.80	1.20	4.70	1.18	682.1	170.5	0.0	0.0	1,754.6	438.6	0.0	0.0	0.0	0.0	18,533.8	4,633.4
6	Khoai tây	5.00	1.00	4.35	0.87	0.0	0.0	87.0	17.4	0.0	0.0	4.4	0.9	909.2	181.8	4,045.5	809.1
7	Cà chua	3.00	0.50	2.85	0.48	0.0	0.0	17.1	2.9	0.0	0.0	5.7	1.0	114.0	19.0	570.0	95.0
8	Bí ngô	4.80	0.20	3.92	0.16	0.0	0.0	11.8	0.5	0.0	0.0	3.9	0.2	239.2	10.0	1,058.8	44.1
9	Cà rốt	2.80	0.20	2.51	0.18	0.0	0.0	37.6	2.7	0.0	0.0	5.0	0.4	195.5	14.0	977.3	69.8
10	Nước mắm loại 1	0.19	0.01	0.19	0.01	13.5	0.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	53.2	2.8
11	Súp	0.90	0.10	0.90	0.10	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
12	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cáng,...)	2.14	0.36	2.14	0.36	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2,133.6	358.9	0.0	0.0	19,195.8	3,229.2
13	Bột nêm	0.74	0.06	0.74	0.06	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
14	Hành củ tươi	0.19	0.01	0.14	0.01	0.0	0.0	1.9	0.1	0.0	0.0	0.6	0.0	6.4	0.3	37.5	2.0
15	Tỏi ta	0.19	0.01	0.15	0.01	0.0	0.0	9.1	0.5	0.0	0.0	0.8	0.0	35.0	1.8	183.9	9.7
16	Gừng tươi	0.09	0.01	0.09	0.01	0.0	0.0	0.4	0.0	0.0	0.0	0.7	0.1	4.6	0.5	26.1	2.9
17	Hành lá (hành hoa)	0.28	0.02	0.22	0.02	0.0	0.0	2.9	0.2	0.0	0.0	0.0	0.0	9.6	0.7	49.3	3.5
18	Rau ngót	7.50	1.50	5.78	1.16	0.0	0.0	306.1	61.2	0.0	0.0	0.0	0.0	196.4	39.3	2,021.3	404.3
19	Sườn lợn (heo) bỏ xương	1.80	0.20	0.77	0.09	138.5	15.4	0.0	0.0	99.1	11.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1,447.4	160.8
20	Giá đậu xanh	8.30	1.70	7.89	1.62	0.0	0.0	433.7	88.8	0.0	0.0	15.8	3.2	402.1	82.4	3,469.4	710.6
21	Mướp	7.00	1.00	5.68	0.81	0.0	0.0	51.2	7.3	0.0	0.0	11.4	1.6	159.2	22.7	966.3	138.0
22	Thịt lợn nạc	1.40	0.10	1.37	0.10	260.7	18.6	0.0	0.0	96.0	6.9	0.0	0.0	0.0	0.0	1,907.1	136.2
23	Gạo tẻ máy	6.70	0.00	6.70	0.00	0.0	0.0	529.3	0.0	0.0	0.0	67.0	0.0	5,085.3	0.0	23,048.0	0.0
24	Thịt gà ta	4.50	1.00	2.16	0.48	438.5	97.4	0.0	0.0	283.0	62.9	0.0	0.0	0.0	0.0	4,298.4	955.2
25	Thịt lợn nạc	3.90	0.10	3.82	0.10	726.2	18.6	0.0	0.0	267.5	6.9	0.0	0.0	0.0	0.0	5,312.6	136.2
26	Đậu xanh (hạt)	1.00	0.00	0.98	0.00	0.0	0.0	229.3	0.0	0.0	0.0	23.5	0.0	520.4	0.0	3,214.4	0.0
27	Miến dong	0.00	2.00	0.00	2.00	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	0.0	0.0	2.0	0.0	600.0	0.0	4,000.0
28	Nấm hương khô	0.00	0.10	0.00	0.09	0.0	0.0	0.0	32.4	0.0	0.0	0.0	3.6	0.0	21.2	0.0	246.6
0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
	Cộng					5,562.3	655.2	4,324.3	551.0	4,544.2	781.9	2,602.3	401.9	35,146.7	3,593.7	244,429.9	31,037.1
	Bình quân thực tế / 1 trẻ					16.5	13.4	12.8	11.2	13.4	16.0	7.7	8.2	104.0	73.3	723.2	633.4
	Thấp: MG:P:13%,L:25%,G:52%;NT: P:13%,L:30%					11.7	11.4	7.8	7.6	11.6	13.6	5.0	5.8	78.0	68.8	615.0	600.0
	Cao: MG:P:20%,L:35%,G:60%;NT: P:20%,L:40%					21.3	19.1	14.2	12.7	19.1	19.6	8.2	8.4	106.2	79.4	726.0	651.0

Quyết toán trong ngày

- Tiêu chuẩn được chi: 9,675,000 đ
- Hôm trước mang sang: -10,896 0.0
- Đã chi: 9,651,080 đ
- Thừa: 23,920 đ
- Thiếu: 0 0.0
- Luỹ kế: 13,024 đ

Thực đơn

* Bữa sáng: - Sữa bột
- Cơm tẻ. Thịt bò ợn hầm khoai tây
* Bữa trưa: - Canh xương rau ngót
- Giá đỗ xào mướp
* Ăn chiều: - Cháo gà đỗ xanh
- Miến gà